TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé.
2. Ông Đinh Ngọc Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc "tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và thông báo thay đổi thời gian phiên tòa xét xử vụ án số 02/TB-TA ngày 27/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Lâm Minh A, sinh ngày 22/01/1993.

Căn cước công dân số 080093010116, cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: số 203, Đường Lê Văn Kiệt, phường X, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Phường K, thành phố TA, tỉnh Long An).

2. Bị đơn: bà Lê Thị Nguyệt B, sinh ngày 22/8/1994.

Căn cước công dân số 080194010163, cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: số 291 ấp Bình Lợi, xã M, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: ấp Bình Lợi, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An).

(Ông A vắng mặt và bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2026, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Lâm Minh A trình bày: ông là chồng cùng vợ là bà Lê Thị Nguyệt B tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2022 tại UBND Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An (cũ).

Sau một thời gian chung sống, cuộc sống không còn hạnh phúc, hai bên thường phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng không thể giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng. Cuộc sống hôn nhân ngày càng rơi vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn mối quan hệ hôn nhân của hai người. Hiện tại, cả hai đã ly thân, không còn sống chung với nhau. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Nguyệt B để mỗi người có thể ổn định và sống một cuộc sống riêng của mỗi người.

- Về con chung: có 1 con chung là cháu Nguyễn Phúc C, sinh ngày 10/4/2023. Hiện tại cháu Nguyễn Phúc C đang sinh sống cùng mẹ là bà Lê Thị Nguyệt B. Cháu Nguyễn Phúc C chưa đủ 3 tuổi nên ông đề nghị giao cho bà Lê Thị Nguyệt B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ông đề nghị hàng tháng ông sẽ cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho cháu Nguyễn Phúc C.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn Lê Thị Nguyệt Anh trình bày: bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Lâm Minh A, đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc C, sinh ngày 10/4/2023 và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng mà ông A đưa ra. Ngoài ra, bà và ông A không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tòa án đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng.

- Về nội dung:

Ngày 03/10/2022, ông Nguyễn Lâm Minh A và bà Lê Thị Nguyệt B đăng ký kết hôn tại UBND xã Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2022, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà B không tham gia hòa giải tại Tòa án, tuy nhiên tại phiên tòa bà B thống nhất ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Các đương sự có 01 con chung là cháu cháu Nguyễn Phúc C, sinh ngày 10/4/2023. Tại phiên tòa, bà B thống nhất giao cháu Hưng cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với lợi ích của con nên ghi nhận theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, bà B đồng

ý. Mức cấp dưỡng và sự thỏa thuận là phù hợp nên ghi nhận theo Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lâm Minh A.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Lâm Minh A được ly hôn với bà Lê Thị Nguyệt B chấm dứt quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Phúc C, sinh ngày 10/4/2023 cho bà Lê Thị Nguyệt B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; ông Nguyễn Lâm Minh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Phúc C mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông A có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy chứng nhận kết hôn bản chính, giấy khai sinh, căn cước công dân, phiếu xác minh cư trú, vận đơn, phiếu báo phát, biên bản hòa giải và công khai chứng cứ không được và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ông Nguyễn Lâm Minh A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Nguyệt B, đồng thời bà B có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ để thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2 Ông Nguyễn Lâm Minh A đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông A.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2022 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An thì bà Lê Thị Nguyệt B và ông Nguyễn Lâm Minh A là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Theo hồ sơ thể hiện, nguyên đơn cho rằng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng không thể giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng. Cuộc sống hôn nhân ngày càng rơi vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn mối quan hệ hôn nhân của hai người. Hiện tại, cả hai đã ly thân, không còn sống chung với nhau. Tại phiên tòa bà Nguyệt Anh đồng ý ly hôn với ông A nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa hai bên đương sự.

[3.3] Về con chung: theo giấy khai sinh số 46/2023 ngày 27/4/2023 của Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An thể hiện bà Lê Thị Nguyệt B và ông Nguyễn Lâm Minh A có 01 người con chung tên Nguyễn Phúc C, sinh ngày 10/4/2023, hiện đang sống cùng bà B. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A đồng ý để bà B trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tại phiên tòa bà Nguyệt Anh cũng thống nhất trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về cấp dưỡng: tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*". Do đó, ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên cho đến khi con tròn 18 tuổi. Theo quy định tại Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, xã M, tỉnh Tây Ninh thuộc vùng III có mức 4.140.000 đồng/tháng, mức cấp dưỡng không được thấp hơn ½ mức lương tối thiểu vùng là 2.070.000 đồng/tháng. Do đó, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận và tại phiên tòa bà Nguyệt Anh cũng thống nhất với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận..

[3.5] Về tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về nợ chung: ông A và bà Nguyệt Anh trình bày thống nhất là không có; đồng thời không có người yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Lâm Minh A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lâm Minh A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Nguyễn Lâm Minh A và bà Lê Thị Nguyệt B.

[2] Về con chung: bà Lê Thị Nguyệt B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc C, sinh ngày 10/4/2023.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện ông Nguyễn Lâm Minh A về việc cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Phúc C, sinh ngày 10/4/2023 với mức 2.500.000 đồng/tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: buộc ông Nguyễn Lâm Minh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp theo biên lai thu số 0003382 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông A phải nộp tiếp 300.000 đồng.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Tây Ninh;
- UBND phường X, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 5

XOQ170426.TL.QDBA 486

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh